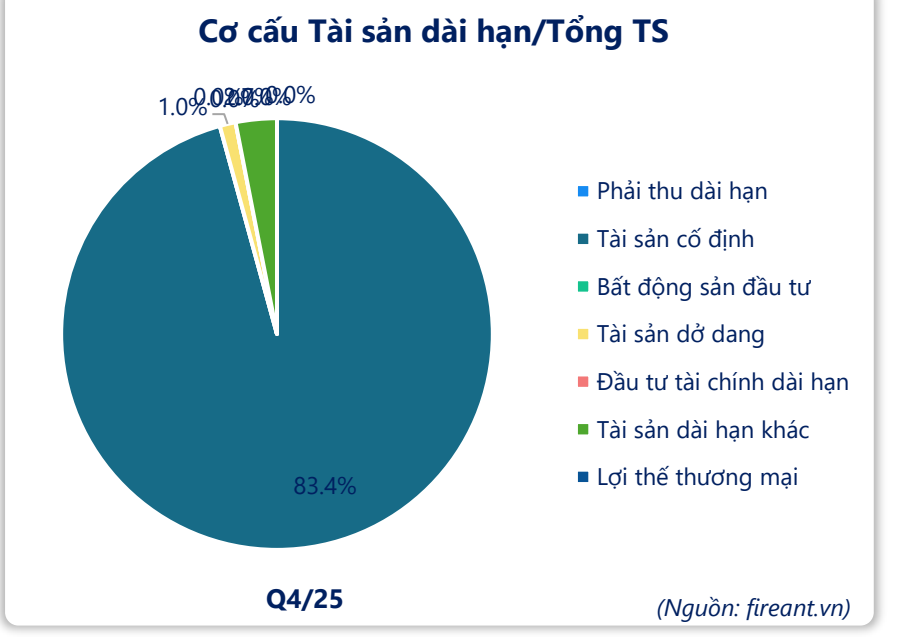
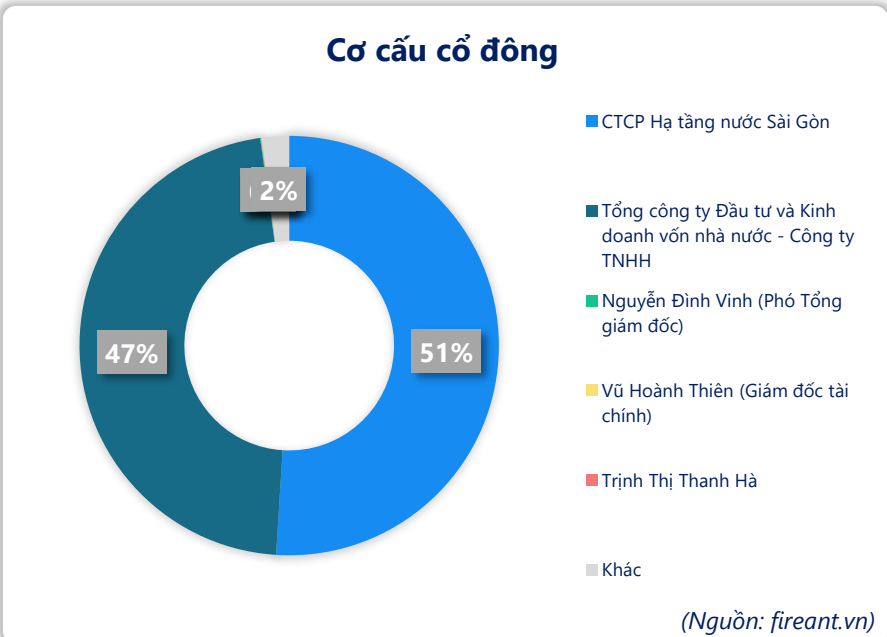
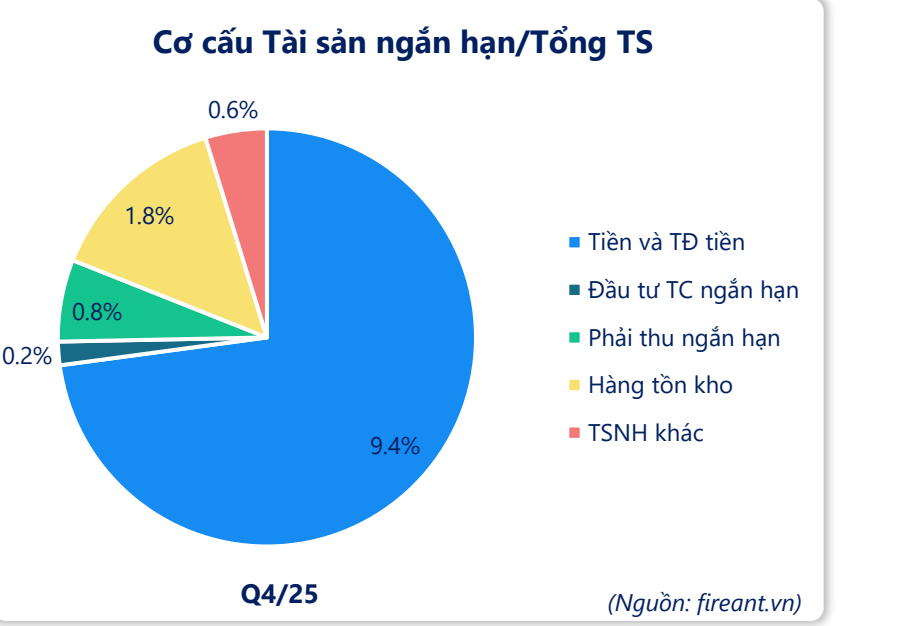
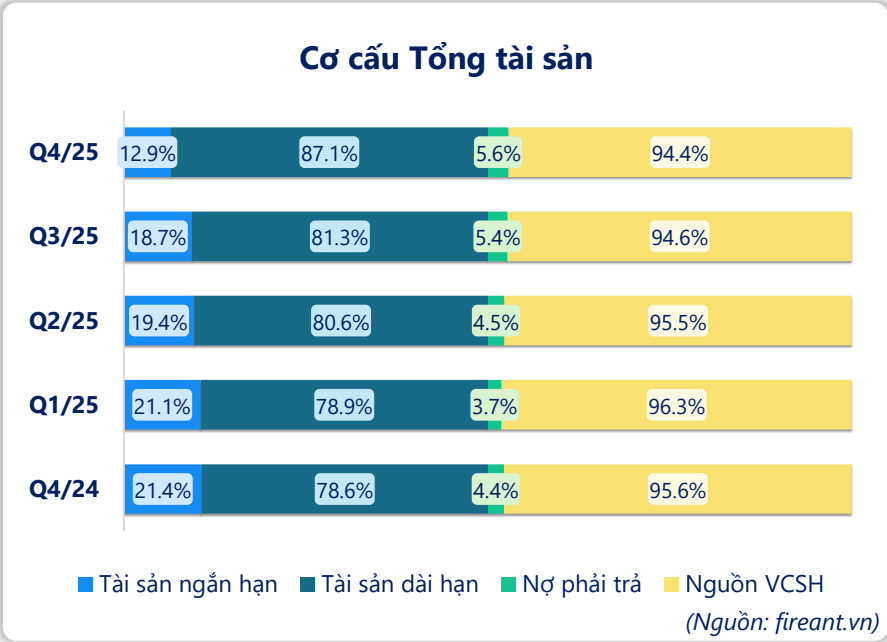
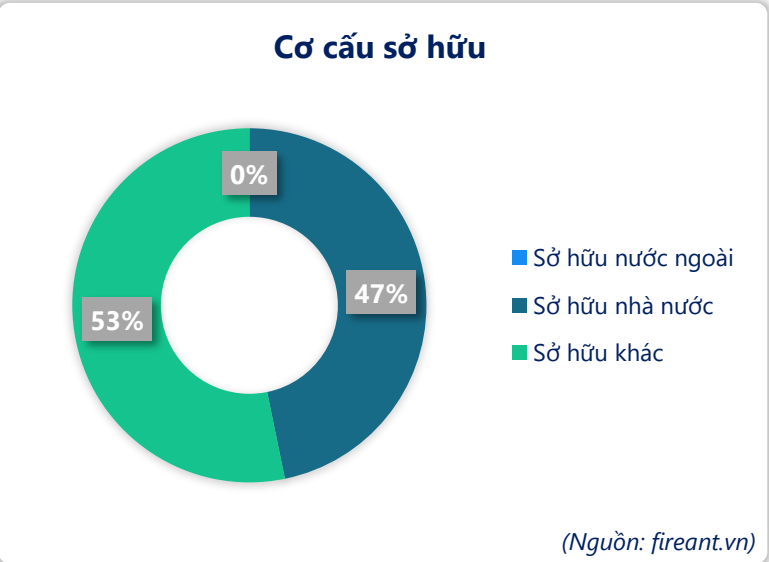
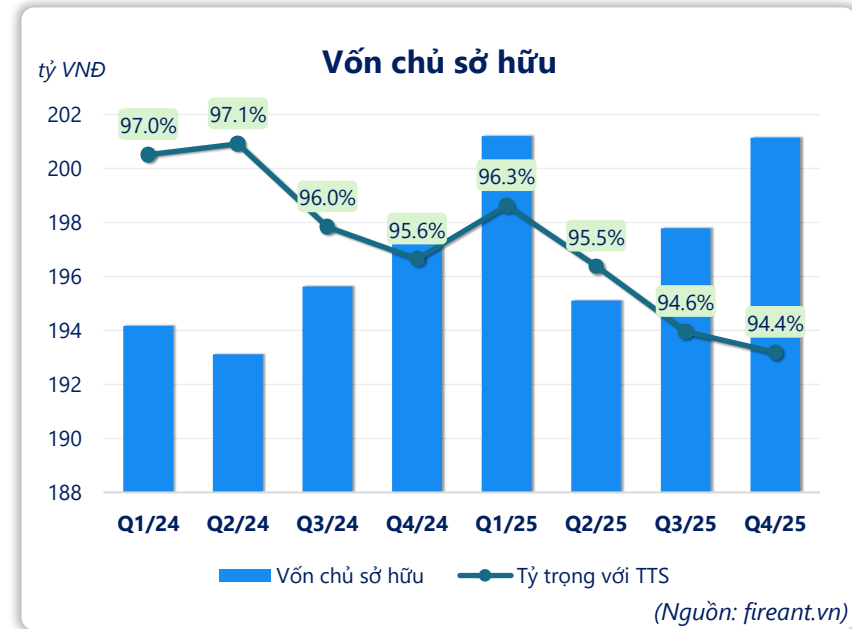
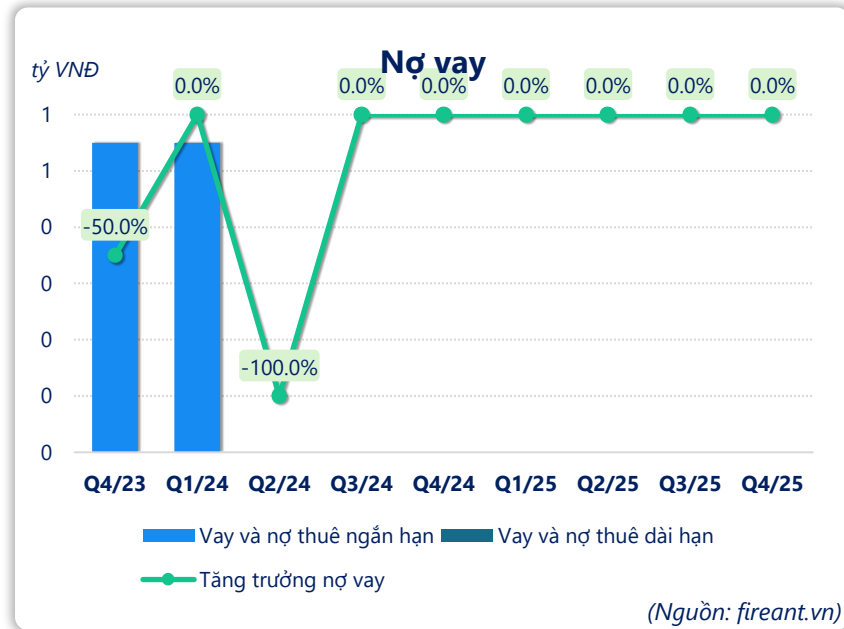
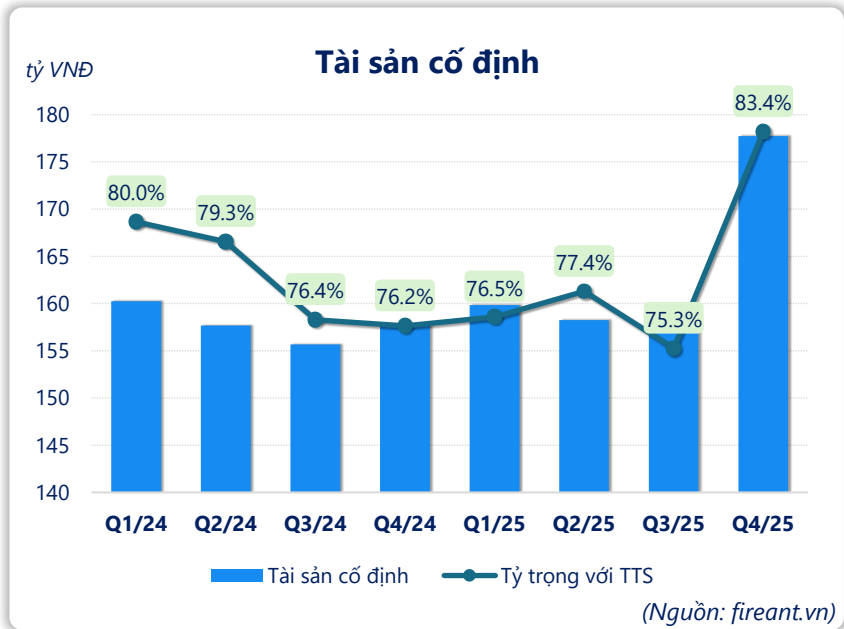
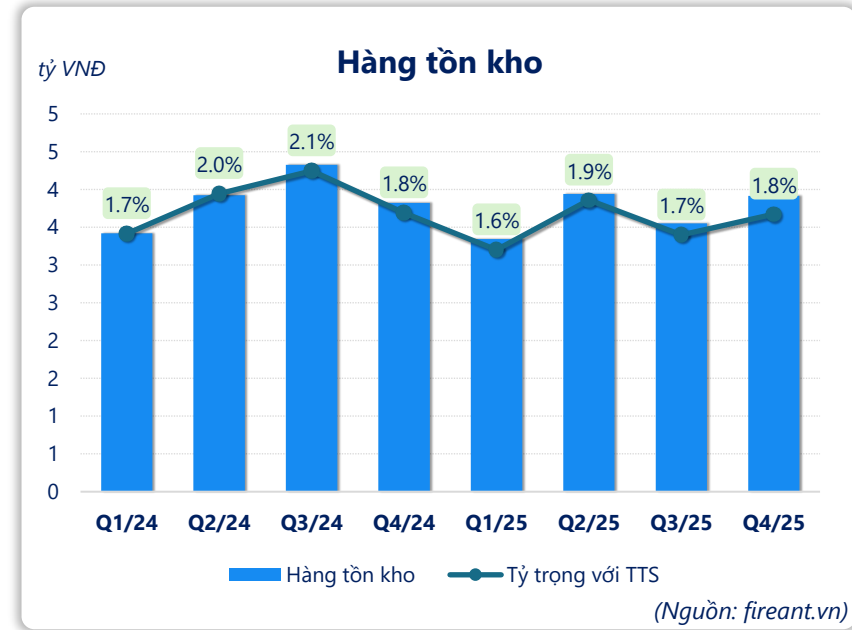
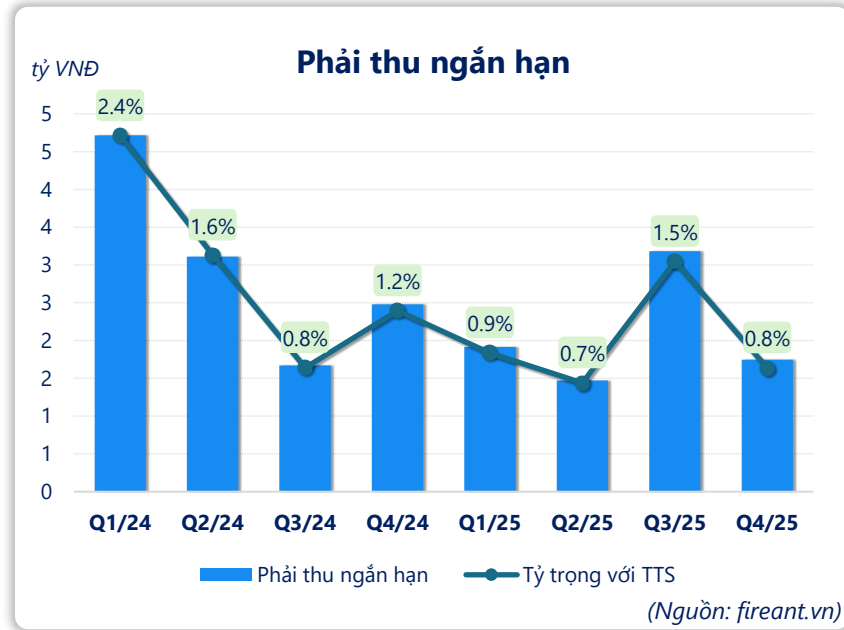
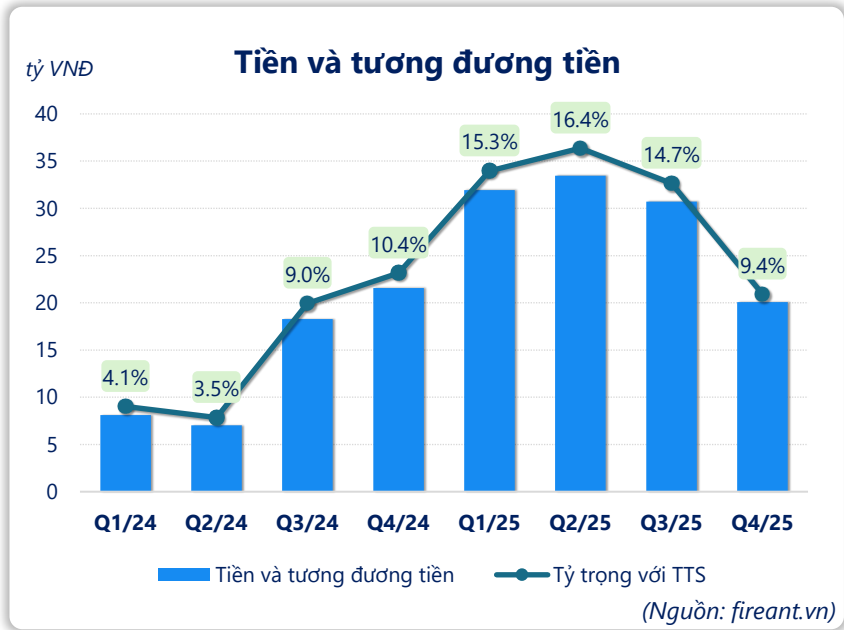
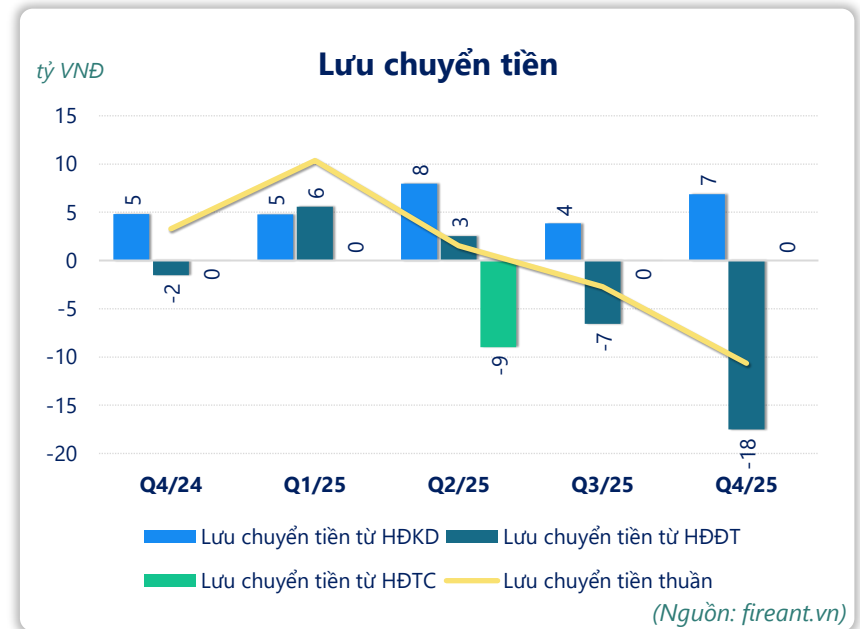
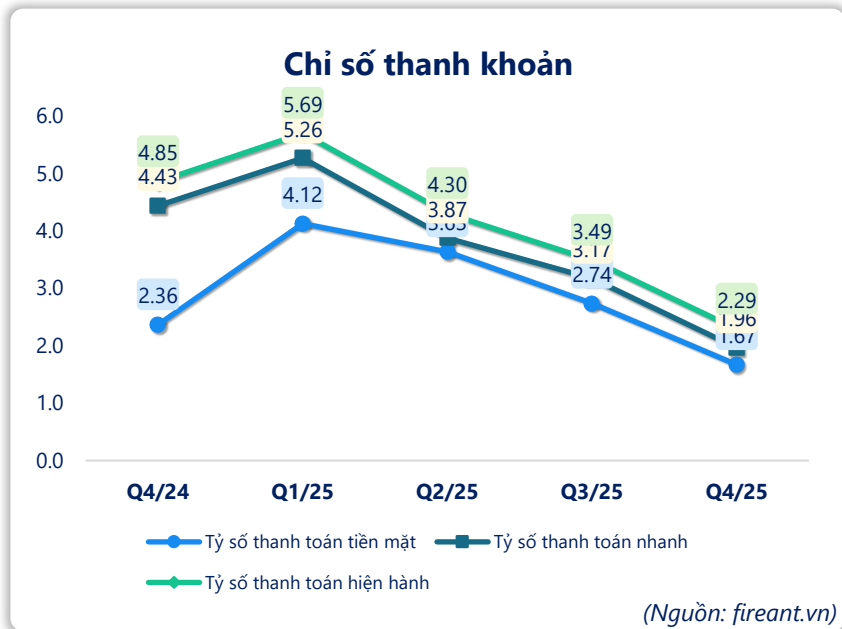
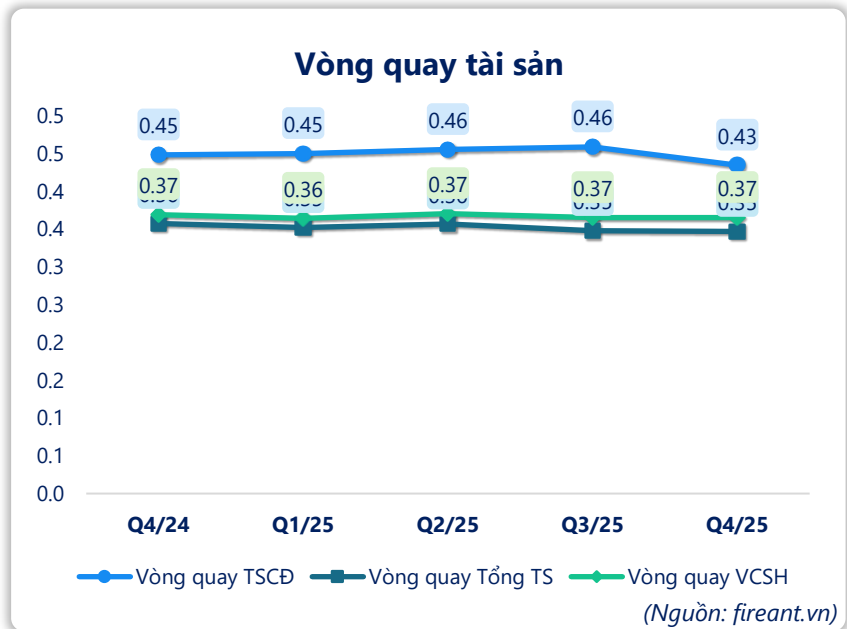
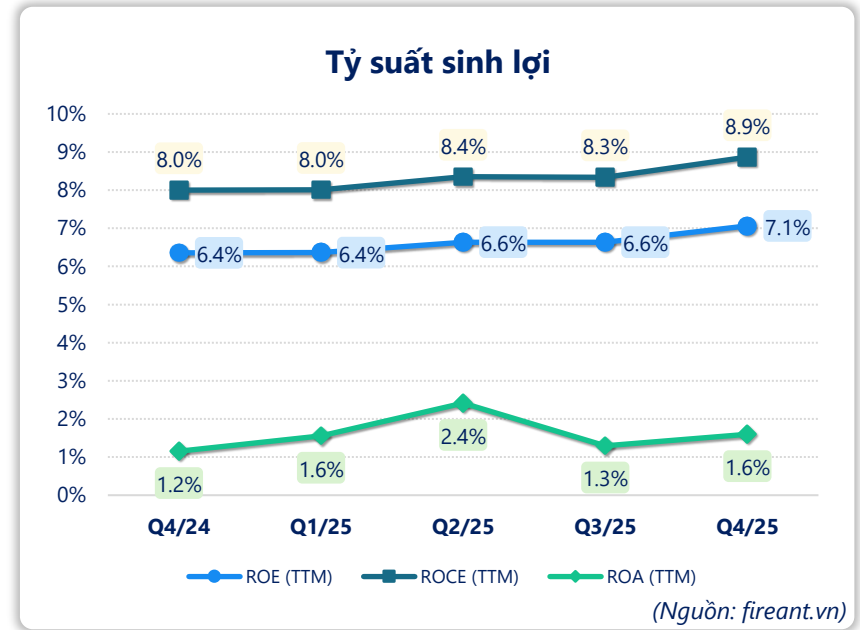
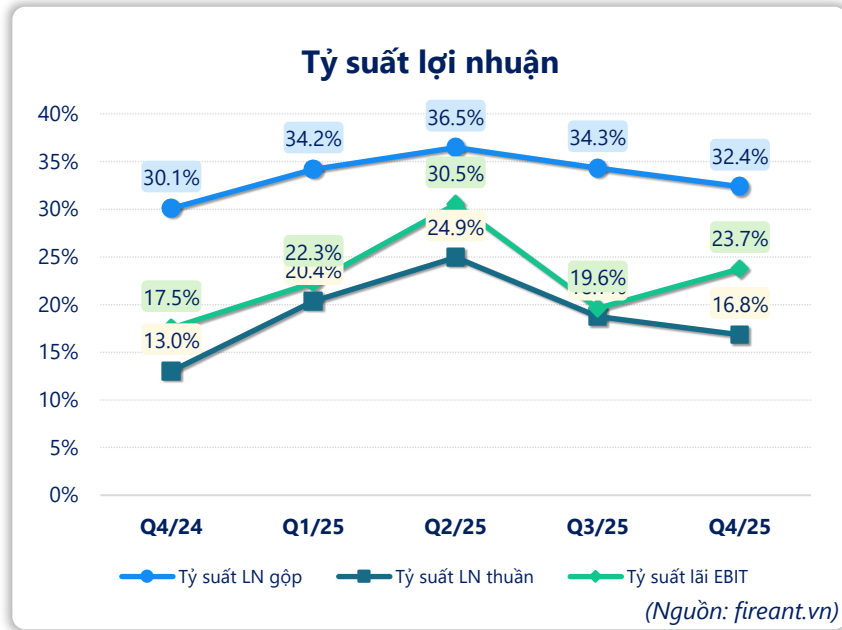
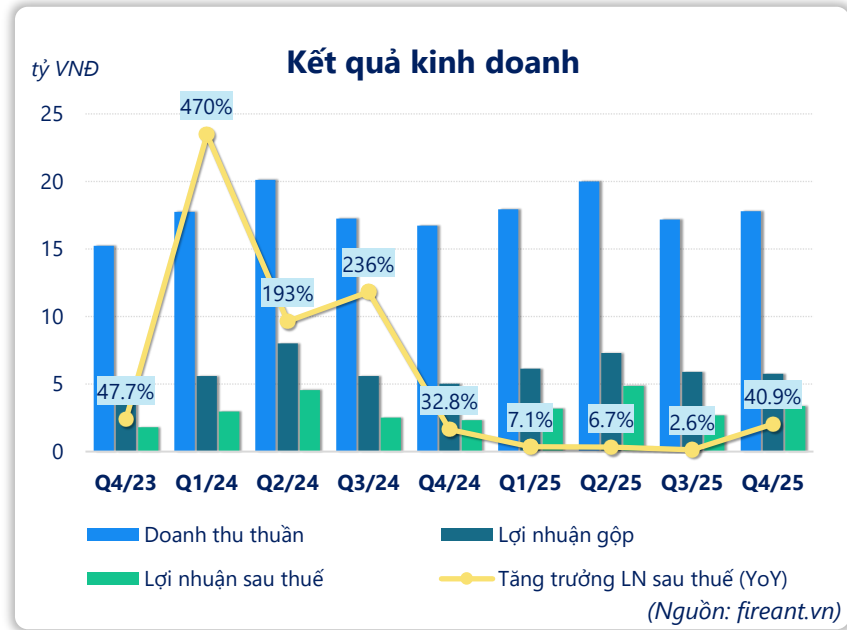


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,900
SL cổ phiếu LH		18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		247
P/E		17.5
EPS		783

	YTD	1T	3T	6T
GLW	3.8%	0.0%	0.0%	11.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	213	207	2.9%
Tài sản ngắn hạn	27.5	44.3	-37.9%
Tiền và tương đương tiền	20.1	21.6	-7.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	16.3	-96.9%
Phải thu ngắn hạn	1.75	2.48	-29.5%
Hàng tồn kho	3.92	3.82	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.31	0.20	561%
Tài sản dài hạn	186	163	14.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	178	158	12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.21	0.43	417%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.71	4.59	24.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12.0	9.06	32.9%
Nợ ngắn hạn	12.0	9.06	32.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.51	2.41	45.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	201	198	1.6%
Vốn chủ sở hữu	201	198	1.6%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	16.7	17.9	20.0	17.2	17.8
Giá vốn hàng bán	11.7	11.8	12.7	11.3	12.0
Lợi nhuận gộp	5.03	6.13	7.30	5.89	5.76
Doanh thu HĐTC	0.38	0.38	0.40	0.34	0.29
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.23	1.17	0.96	1.08	1.17
Chi phí QLDN	2.00	1.69	1.75	1.93	1.89
LN thuần từ HĐKD	2.18	3.65	4.99	3.22	2.99
Lợi nhuận khác	0.76	0.35	1.12	0.15	1.23
LN trước thuế	2.93	4.00	6.11	3.37	4.22
Lợi nhuận sau thuế	2.32	3.18	4.87	2.68	3.36
LNST của CĐ cty mẹ	2.32	3.18	4.87	2.68	3.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.81	4.79	7.97	3.83	6.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.53	5.57	2.53	-6.55	-17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	-8.99	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	18.3	21.6	31.9	33.4	30.7
Lưu chuyển tiền thuần	3.27	10.4	1.51	-2.73	-10.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.6	31.9	33.4	30.7	20.1

(Nguồn: fireant.vn)